

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**;

2. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 6 năm 2017 và ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2017/ST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D: Ông **Đào Văn X** – Luật sư Văn phòng luật sư Đ thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Anh V**, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2017, theo lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Văn X trình bày:

Chị D và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến **tháng 12/2015** thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh V.

Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thu N, sinh ngày 01/12/2015. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông X, không có ý kiến bổ sung.

Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 4 năm 2017, biên bản hòa giải bị đơn anh Trương Anh V trình bày:

Anh thông nhất với lời trình bày của chị D về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay.

Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý do không thể hàn gắn được nữa.

Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thu N, sinh ngày 01/12/2015, hiện con chung đang sống cùng với chị D. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng và thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại vợ chồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị D - ông X trình bày:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trương Anh V là vợ chồng, giao con chung là cháu Nguyễn Thu N hiện đang dưới 36, tháng tuổi cho chị D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trương Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh V là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị D và anh V chung sống vợ chồng từ năm 2014. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã không còn chung sống từ tháng 12/2015, xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, không thể hàn gắn. Tuy nhiên, chị D và anh V chung sống không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Tuyên không công nhận quan hệ giữa chị D và anh V là vợ chồng.

Về con chung: Chị D và anh V thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thu N, sinh ngày 01/12/2015 cho chị D nuôi dưỡng và thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh V trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Chị D chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Trương Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là có căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trương Anh V chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2014, hôn nhân là do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, đã ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 4 năm 2017, anh V cho rằng vợ chồng chung sống với nhau không còn phù hợp, mâu thuẫn thường xuyên dẫn đến ly

thân từ tháng 12/2015 cho đến nay, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh cũng đồng ý ly hôn. Do chị D và anh V không đăng ký kết hôn nên không thể xem xét cho anh chị thuận tình ly hôn mà phải tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thu N, sinh ngày 01/12/2015, hiện đang sống cùng với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng và anh V cũng đồng ý giao con cho chị D, thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[3] Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trương Anh V là vợ chồng.

Về con chung: Giao Nguyễn Thu N, sinh ngày 01/12/2015 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh V không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số **0003856** ngày **28** tháng **3** năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hoà Thành;
- THADS huyện Hoà Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Hảo Phát